**Phụ lục XI - B**

**Danh mục kỹ thuật chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh**

**của Người hành nghề là Y sỹ sản nhi**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số ……….. /2025/TT - BYT của Bộ trưởng Bộ Y tế)*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mã kỹ thuật** | **Tên chương** | **Danh mục kỹ thuật** |
| **I** |  |  | **TRƯỚC SINH** |
|  | 13.41 |  | Khám thai |
|  |  |  | Chăm sóc, theo dõi thai phụ mắc bệnh truyền nhiễm |
|  |  |  | Chăm sóc, theo dõi thai phụ bệnh lý |
|  |  |  | Chăm sóc, chuẩn bị bệnh trước phẫu thuật sản, phụ khoa |
|  |  |  | Xử trí ban đầu người bệnh có bệnh lý về sản khoa |
|  |  |  | Hướng dẫn lăn bóng xoa dịu cơn đau chuyển dạ |
| **II** |  |  | **TRONG SINH** |
|  |  |  | Khám, xác định và theo dõi các giai đoạn của chuyển dạ |
|  |  |  | Chăm sóc, theo dõi sản phụ chuyển dạ đẻ |
|  |  |  | Xử trí ban đầu các trường hợp bất thường trong chuyển dạ |
|  |  |  | Xử trí sa dây rau |
|  | 13.39 |  | Kỹ thuật bấm ối |
|  | 13.21 |  | Nghiệm pháp lọt ngôi chỏm |
|  | 13.33 |  | Đỡ đẻ thường ngôi chỏm |
|  |  |  | Đỡ đẻ rơi |
|  | 13.35 |  | Xử trí tích cực giai đoạn 3 cuộc chuyển dạ |
|  |  |  | Xử trí ban đầu những trường hợp bất thường trong đẻ |
|  | 13.36 |  | Thực hiện nghiệm pháp bong rau, đỡ rau, kiểm tra bánh rau |
|  | 13.34 |  | Cắt và khâu tầng sinh môn |
| **III** |  |  | **SAU SINH** |
|  |  |  | Kỹ thuật da kề da (ngay sau đẻ, mổ đẻ) |
|  |  |  | Chèn gạc âm đạo cầm máu |
|  |  |  | Xử trí ban đầu băng huyết sau sinh đường âm đạo |
|  | 13.30 |  | Khâu phục hồi rách âm đạo, tầng sinh môn độ 1, 2, |
|  |  |  | Khâu phục hồi rách âm hộ |
|  | 13.31 |  | Cặp, kéo cổ tử cung cầm máu sau đẻ; sau sảy; sau nạo |
|  |  |  | Chăm sóc và theo dõi người bệnh sau phẫu thuật truyền nhiễm |
|  |  |  | Chăm sóc, theo dõi bà mẹ ngày đầu sau đẻ |
|  |  |  | Chăm sóc, theo dõi bà mẹ tuần đầu sau đẻ |
|  |  |  | Chăm sóc, theo dõi bà mẹ 6 tuần đầu sau đẻ |
|  |  |  | Xoa bóp vú thông tuyến sữa sau sinh |
|  |  |  | Điều trị tắc tia sữa bằng máy hút |
|  |  |  | Điều trị tắc tia sữa bằng hồng ngoại |
|  |  |  | Điều trị tắc tia sữa bằng sóng ngắn |
|  |  |  | Chăm sóc, theo dõi vết khâu tầng sinh môn sau đẻ |
|  | 13.167 |  | Làm thuốc âm hộ; âm đạo sau đẻ |
|  | 13.167 |  | Làm thuốc tầng sinh môn sau đẻ |
|  | 13.40 |  | Làm thuốc vết khâu tầng sinh môn nhiễm khuẩn |
|  |  |  | Ép tử cung bằng tay (2 tay ngoài, 1 tay ngoài 1 tay trong âm đạo) để cầm máu sau sinh |
| **IV** |  |  | **PHỤ KHOA- PHÁ THAI - KẾ HOẠCH HÓA GIA ĐÌNH** |
|  | 13.165 |  | Khám phụ khoa |
|  |  |  | Xử trí ban đầu cấp cứu phụ khoa |
|  |  |  | Chăm sóc, theo dõi bệnh nhân trước thủ thuật sản phụ khoa |
|  |  |  | Chăm sóc, theo dõi bệnh nhân sau thủ thuật sản phụ khoa |
|  |  |  | Chăm sóc, theo dõi bệnh nhân trước phẫu thuật sản, phụ khoa |
|  |  |  | Chăm sóc, theo dõi người bệnh sau phẫu thuật sản, phụ khoa |
|  |  |  | Chăm sóc và theo dõi người bệnh trước phẫu thuật bệnh lý |
|  |  |  | Chăm sóc và theo dõi người bệnh sau phẫu thuật bệnh lý |
|  |  |  | Chăm sóc, theo dõi người bệnh rò bàng quang – âm đạo |
|  |  |  | Chăm sóc, theo dõi thai phụ bệnh lý |
|  |  |  | Chăm sóc, theo dõi người bệnh chửa ngoài tử cung |
|  |  |  | Chăm sóc, theo dõi người bệnh sau nạo thai trứng |
|  |  |  | Chăm sóc, theo dõi người bệnh sau mổ cắt vú |
|  |  |  | Hướng dẫn , tư vấn về dinh dưỡng phù hợp cho người bệnh sản phụ khoa |
|  |  |  | Khám vú cho phụ nữ |
|  |  |  | Chiếu tia hồng ngoại điều trị viêm dính tiểu khung |
|  |  |  | Thực hiện Sóng ngắn điều trị viêm dính tiểu khung |
|  | 13.148 |  | Lấy dị vật âm đạo |
|  |  |  | Kỹ thuật chăm sóc hậu môn, sinh dục |
|  |  |  | Kỹ thuật thực hiện thuốc qua niêm mạc âm đạo |
|  |  |  | Lấy bệnh phẩm để xét nghiệm tế bào học âm đạo, cổ tử cung |
|  |  |  | Lấy bệnh phẩm để xét nghiệm vi khuẩn, vi nấm, Trichomonas nhuộm soi và phân tích tự động hỗ trợ chẩn đoán viêm âm đạo |
|  |  |  | Đặt thuốc trong điều trị viêm âm hộ, âm đạo, cổ tử cung |
|  |  |  | Đặt dụng cụ tử cung |
|  |  |  | Tháo dụng cụ tử cung |
|  |  |  | Theo dõi, chăm sóc người bệnh phá thai nội khoa |
|  |  |  | Chăm sóc và theo dõi người bệnh hỗ trợ sinh sản |
|  |  |  | Chăm sóc và theo dõi người bệnh sau các thủ thuật hỗ trợ sinh sản |
| **V** |  |  | **SƠ SINH** |
|  | 13.189 |  | Chiếu đèn điều trị vàng da sơ sinh |
|  | 13.196 |  | Khám phát hiện di tật ngoài trẻ sơ sinh |
|  | 13.196 |  | Khám sàng lọc toàn thân cho trẻ sơ sinh để phát hiện những dấu hiệu bất thường của trẻ |
|  | 13.197 |  | Chăm sóc rốn sơ sinh |
|  |  |  | Chăm sóc rốn sơ sinh nhiễm khuẩn |
|  |  |  | Lấy máu gót chân sơ sinh |
|  |  |  | Xóa bóp thư giãn cho trẻ sơ sinh |
|  | 13.198 |  | Tắm trẻ sơ sinh |
|  |  |  | Chăm sóc và theo dõi trẻ sơ sinh ngay sau đẻ |
|  |  |  | Chăm sóc và theo dõi trẻ sơ sinh ngày đầu sau đẻ |
|  |  |  | Chăm sóc và theo dõi trẻ sơ sinh tuần đầu sau đẻ |
|  |  |  | Chăm sóc và theo dõi trẻ sơ sinh 6 đầu sau đẻ |
|  | 13.192 |  | Đặt ống thông dạ dày (hút dịch hoặc nuôi dưỡng) sơ sinh |
|  |  |  | Cho trẻ ăn qua sonde dạ dày |
|  |  |  | Chăm sóc và theo dõi trẻ sơ sinh nằm lồng ấp |
|  | 13.199 |  | Đặt sonde hậu môn trẻ sơ sinh |
|  | 13.201 |  | Hồi sức trẻ sơ sinh ngạt sau sinh |
|  |  |  | Cấp cứu sặc sữa |
|  |  |  | Xử trí ban đầu dị vật đường thở trẻ sơ sinh |
|  |  |  | Xử trí ban đầu hạ thân nhiệt ở trẻ sơ sinh |
|  |  |  | Xử trí ban đầu hạ đường huyết ở trẻ sơ sinh |
|  |  |  | Xử trí chảy máu rốn |
|  |  |  | Chăm sóc theo dõi trẻ sơ sinh có mẹ có bệnh truyền nhiễm |
|  |  |  | Chăm sóc, theo dõi trẻ sơ sinh có mẹ bệnh lý |
|  | 13.202 |  | Cố định tạm thời gãy xương trẻ sơ sinh |
|  |  |  | Chăm sóc trẻ sơ sinh được chiếu đèn điều trị vàng da |
|  |  |  | Chăm sóc, theo dõi trẻ sơ sinh bằng phương pháp Căng gu ru |
|  |  |  | Chăm sóc trẻ sơ sinh hạ thân nhiệt chỉ huy |
|  |  |  | Tiêm chủng và theo dõi, chăm sóc sau tiêm chủng |

- Người hành nghề có văn bằng chuyên môn là Y sỹ sản nhi được phép thực hiện các kỹ thuật tại Phụ lục X - Danh mục kỹ thuật chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh của Người hành nghề chức danh y sỹ với phạm vi hành nghề đa khoa ban hành kèm theo Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế và các danh mục thuộc phụ lục này.